ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM XUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2082 /QĐ-UBND	*Cẩm Xuyên, ngày 02 tháng11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đối tượng, kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ bảo trợ xã hội không thuộc diện hộ nghèo quý I năm 2026 trên địa bàn xã Cẩm Xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM XUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 02/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ LĐ-TB-XH về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội; Định mức hỗ trợ là 30 kWh/hộ, mức giá áp dụng theo Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/05/2025 của Bộ Công Thương để tính hỗ trợ là 1.984 đồng/KWh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đối tượng, kinh phí hỗ trợ tiền điện đối tượng hưởng chế độ BTXH không thuộc hộ nghèo quý I năm 2026 trên địa bàn xã Cẩm Xuyên như sau:

- Tổng số hộ bảo trợ xã hội không thuộc hộ nghèo quý I năm 2026: 20 hộ với 53 tháng x 64.280đ/ tháng

- Tổng kinh phí được hỗ trợ: 3.406.840 đồng.

Bằng chữ: *Ba triệu bốn trăm linh sáu ngàn tám trăm bốn mươi đồng*

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Trọng Bình

DANH SÁCH TRẢ TIỀN ĐIỆN HỘ GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI KHÔNG THUỘC HỘ NGHÈO 2026

QUÝ I/2026

TT	Họ và tên (chủ hộ)	Họ và tên đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên	Năm sinh	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ	Mã khách hàng sử dụng điện	Số tháng được hỗ trợ	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Ký nhận
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Trương Văn Quán	Trương Văn Quân	1977	Con	Thôn 3	PA16CX0001242	3	64.280	192.840	
2	Đặng Thị Hồng Vân	Nguyễn Thị Nhung	1972	Em dâu	Thôn 15	PA16CXCX03508	3	64.280	192.840	
3	Đậu Bá Tiến	Đậu Bá Tiến	1969	Chủ hộ	Thôn 10	PA16CX0045913	2	64.280	128.560	
4	Hoàng Hữu Tâm	Hoàng Hữu Tâm	1967	Chủ hộ	Thôn 3	PA16CX0001230	3	64.280	192.840	
5	Nguyễn Thị Cẩm	Nguyễn Thị Cẩm	1984	Chủ hộ	Nhân Sơn	PA16CX0051335	3	64.280	192.840	
6	Nguyễn Thị Hoà	Trần Công Vận	1952	Chồng	Trung Sơn	PA16CX0043047	3	64.280	192.840	
7	Nguyễn Thị Bái	Trần viết Quân	1964	Chồng	Trung Sơn	PA16CX0032377	3	64.280	192.840	
8	Nguyễn Thị Minh	Nguyễn Thị Minh	1940	Chủ hộ	Quang Đồng	PA16CX0049068	2	64.280	128.560	
9	Đặng Văn Cảnh	Đặng Văn Cảnh	1971	Chủ hộ	Đông Thành	PA16CX0031381	3	64.280	192.840	
10	Nguyễn Thị Phúc	Nguyễn Thị Phúc	1974	Chủ hộ	Đông Thành	PA16CX0031310	3	64.280	192.840	
11	Đặng Hữu Đương	Đặng Hữu Đương	1962	Chủ hộ	Nam Thành	PA16CX0031435	1	64.280	64.280	
12	Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Thị Hương	1962	Chủ hộ	Nam Thành	PA16CX0031570	3	64.280	192.840	
13	Nguyễn Thị Thiện	Nguyễn Thị Nguyệt	1980	Con	Trung Thành	PA16CX0031817	3	64.280	192.840	
14	Nguyễn Thị Hưởng	Nguyễn Thị Hưởng	1941	Chủ hộ	Nam Vinh	PA16CX0030955	3	64.280	192.840	

15	Nguyễn Thị Chân	Nguyễn Thị Chân	1949	Chủ hộ	Nam Vinh	PA16CX0030949	3	64.280	192.840	
16	Trần Thị Thủy	Trần Thị Thủy	1950	Chủ hộ	Ưu Tràng	PA16CX0032051	3	64.280	192.840	
17	Trần Thị Chuộng	Nguyễn Văn Linh	1989	Con	Ưu Tràng	PA16CX0032200	3	64.280	192.840	
18	Nguyễn Thị Mai	Nguyễn Thị Mai	1976	Chủ hộ	Thiện Nộ	PA16CX0043236	3	64.280	192.840	
19	Nguyễn Thị Hoài	Nguyễn Thị Hoài	1973	Chủ hộ	Vĩnh Phú	PA16CX0054002	2	64.280	128.560	
20	Nguyễn Thị Hiền	Nguyễn Thị Hiền	1952	Chủ hộ	Vĩnh Phú	PA16CX0054253	1	64.280	64.280	
Cộng							**53**		**3.406.840**	

Số hộ được hỗ trợ : 20, số tháng được hỗ trợ : 53
Số tiền: 3.406.840 đồng
Số tiền bằng chữ: Ba triệu bốn trăm linh sáu ngàn tám trăm bốn mươi đồng